

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG  
BAN KINH TẾ

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

Hà Nội, ngày 22 tháng 5 năm 2019

Số ~~3457~~-CV/BKTTW

V/v báo cáo tình hình thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW "về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội"

Kính gửi: Tỉnh uỷ Quảng Ngãi

Thực hiện nhiệm vụ được giao chủ trì theo dõi, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW, ngày 22/11/2014 của Ban Bí thư khóa XI "về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội" (sau đây gọi là Chỉ thị 40-CT/TW), Ban Kinh tế Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức sơ kết 05 năm tình hình thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW.

Để có cơ sở báo cáo Ban Bí thư, Ban Kinh tế Trung ương đề nghị tỉnh ủy/thành ủy tổ chức sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW, biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân tiêu biểu trong triển khai, thực hiện Chỉ thị 40-CT/TW và gửi báo cáo (theo đề cương gửi kèm) về Ban Kinh tế Trung ương trước ngày 30/8/2019 (Số liệu báo cáo từ cuối năm 2014 đến 30/6/2019).

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

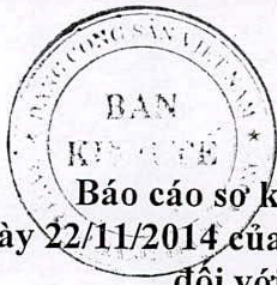
- Như trên,
- Trưởng Ban (để báo cáo),
- Vụ Xã hội (03b),
- Lưu Văn phòng Ban.

K/T TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN



Ngô Văn Tuấn

Chi tiết xin liên hệ: Đồng chí Bùi Thị Kiều Ly; điện thoại: 080.45806/0936236533;  
email: kieulybktw@gmail.com.

**ĐỀ CƯƠNG**

**Báo cáo sơ kết tình hình thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW  
ngày 22/11/2014 của Ban Bí thư về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng  
đối với công tác tín dụng chính sách xã hội”**

*(Kèm theo Công văn số 3457-CV/BKTTW ngày 22/5/2019)*

**Phần thứ nhất****TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 40-CT/TW**

*(Số liệu báo cáo từ cuối năm 2014 đến 30/6/2019)*

**I. Tình hình phổ biến, quán triệt Chỉ thị số 40-CT/TW****1. Kết quả đạt được**

- Tổ chức phổ biến, quán triệt Chỉ thị số 40-CT/TW
- Ban hành kế hoạch, chương trình hành động, các văn bản có liên quan triển khai thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW

**2. Hạn chế, yếu kém (đánh giá theo các mục ở phần kết quả đạt được)****II. Đánh giá tình hình thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW****1. Việc lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền đối với hoạt động tín dụng chính sách xã hội****1.1. Kết quả đạt được**

- Nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền đối với việc thực hiện tín dụng chính sách xã hội
  - Thực hiện chủ trương huy động nguồn lực cho tín dụng chính sách xã hội;
  - Công tác điều tra, xác định đối tượng được vay vốn
  - Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội trong các hoạt động huấn luyện kỹ thuật, đào tạo nghề và chuyển giao công nghệ với hoạt động cho vay vốn, giúp người vay sử dụng vốn có hiệu quả
  - Hiệu quả sử dụng vốn vay của các đối tượng trên địa bàn:
    - + Số hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác được vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội.
    - + Số hộ vượt qua ngưỡng nghèo.
    - + Số học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được vay vốn đi học.
    - + Số lao động được tạo việc làm từ Quỹ Quốc gia về việc làm.
    - + Số lao động được đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.
    - + Số công trình nước sạch và vệ sinh môi trường được xây dựng.

+ Số căn nhà cho hộ nghèo và đối tượng chính sách.

1.2. *Hạn chế, yếu kém, khó khăn, vướng mắc* (đánh giá theo các mục ở phần kết quả đạt được)

## **2. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc thực hiện tín dụng chính sách xã hội**

### *2.1. Kết quả đạt được*

- Tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tín dụng chính sách xã hội

- Thực hiện các nội dung được uỷ thác

- Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội và chính quyền địa phương trong việc củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng chính sách xã hội

- Hướng dẫn bình xét đối tượng vay vốn; tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc thu hồi nợ đến hạn, hướng dẫn người vay sử dụng vốn hiệu quả; lồng ghép với các chương trình, dự án của các tổ chức chính trị - xã hội; tư vấn, hướng dẫn xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất, kinh doanh điển hình, giúp nhau vươn lên thoát nghèo và làm giàu

2.2. *Hạn chế, yếu kém, khó khăn, vướng mắc* (đánh giá theo các mục ở phần kết quả đạt được)

## **3. Nguồn lực thực hiện tín dụng chính sách**

### *3.1. Kết quả đạt được*

- Bổ sung nguồn vốn từ ngân sách địa phương để cho vay các đối tượng chính sách xã hội; việc bố trí nguồn lực cho vay của các tỉnh, thành phố (đối với các tỉnh, thành phố ban hành chuẩn nghèo riêng cao hơn chuẩn nghèo quốc gia)

- Việc huy động sự đóng góp của các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp và các cá nhân bổ sung nguồn vốn cho tín dụng chính sách xã hội

3.2. *Hạn chế, yếu kém, khó khăn, vướng mắc* (đánh giá theo các mục ở phần kết quả đạt được)

## **4. Hoàn thiện cơ chế, chính sách**

### *4.1. Kết quả đạt được*

- Việc ban hành chuẩn nghèo mới (đối với các tỉnh, thành phố ban hành chuẩn nghèo cao hơn chuẩn nghèo quốc gia)

- Sửa đổi, bổ sung chính sách tín dụng ưu đãi trên địa bàn; kiến nghị sửa đổi, bổ sung chính sách tín dụng ưu đãi chung của cả nước

4.2. *Hạn chế, yếu kém* (đánh giá theo các mục ở phần kết quả đạt được)

### **5. Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội**

5.1. *Kết quả đạt được*

- Chất lượng hoạt động của Ban đại diện Hội đồng quản trị các cấp; kiện toàn tổ chức đảng; công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp và chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ Ngân hàng Chính sách xã hội

- Hiệu quả phương thức uỷ thác cho các tổ chức chính trị - xã hội; hoạt động tại các điểm giao dịch cấp xã

- Hỗ trợ cơ sở vật chất, điều kiện làm việc cho Ngân hàng Chính sách xã hội

5.2. *Hạn chế, yếu kém, khó khăn, vướng mắc* (đánh giá theo các mục ở phần kết quả đạt được)

### **III. Đánh giá chung**

#### **1. Kết quả đạt được**

#### **2. Hạn chế, yếu kém, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân**

### **Phần thứ hai**

## **NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TIẾP TỤC THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 40-CT/TW TRONG THỜI GIAN TỚI**

1. Dự báo bối cảnh kinh tế - xã hội tại địa phương tác động tới việc thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW trong thời gian tới

2. Nhiệm vụ và giải pháp tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW

2.1. *Nhiệm vụ*

2.2. *Giải pháp*

### **Phần thứ ba**

## **ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

1. Với Ban Bí thư

2. Với Quốc hội

3. Với Chính phủ và các bộ, ngành, Ngân hàng Chính sách xã hội

4. Với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội

**PHỤ LỤC 1**  
**Văn bản triển khai thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW**

<b>STT</b>	<b>Số, ký hiệu</b>	<b>Ngày ban hành</b>	<b>Cơ quan ban hành</b>	<b>Tên văn bản</b>
1.				
2.				
3.				
4.				
5.				

**PHỤ LỤC 2**  
**Tình hình nguồn vốn, sử dụng vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội**  
**giai đoạn 2014-2019**

*Đơn vị: Triệu đồng, %*

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện đến 31/12/2014	THỰC HIỆN NĂM 2019 (30/6/2019)			
			Tổng số	Tỷ trọng	Tăng/giảm so với 31/12/2014	
					Số tuyệt đối (+/-)	Số tương đối (%)
1	2	3	4	5	6	7
A	NGUỒN VỐN					
I	NGUỒN VỐN TRUNG ƯƠNG					
1	Nguồn vốn cân đối từ Trung ương chuyển về					
2	Nguồn vốn huy động tại địa phương được TW cấp bù lãi suất					
	- Huy động của Tổ chức, cá nhân					
	- Tiền gửi tiết kiệm thông qua Tổ TK&VV					
II	NGUỒN VỐN NHẬN ỦY THÁC TẠI ĐỊA PHƯƠNG					
B	SỬ DỤNG VỐN					
I	DOANH SỐ CHO VAY					
II	DOANH SỐ THU NỢ					
III	TỔNG DƯ NỢ					
1	Dư nợ nguồn vốn Trung ương					
2	Dư nợ nguồn vốn địa phương					
IV	TỔNG NỢ QUÁ HẠN VÀ NỢ KHOANH					
1	Nợ quá hạn					
2	Nợ khoanh					







## PHỤ LỤC 5

Một số chỉ tiêu đánh giá hiệu quả từ nguồn vốn tín dụng chính sách từ khi có

Chỉ thị số 40-CT/TW

Đơn vị: Tỷ đồng/hộ/hssv/công trình/căn nhà/lao động

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Giai đoạn 2014- 2019
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>
1	Tổng doanh số cho vay							
2	Tổng doanh số thu nợ							
3	Số lượt hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác được vay vốn từ NHCSXH							
4	Số khách hàng còn dư nợ							
5	Vốn tín dụng chính sách đã góp phần							
5.1	Số hộ vượt qua ngưỡng nghèo							
5.2	Số HSSV có hoàn cảnh khó khăn được vay vốn đi học							
5.3	Số lao động được tạo việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm							
5.4	Số lao động được đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài							
5.5	Số công trình NS&VSMT được xây dựng							
5.6	Số căn nhà cho hộ nghèo và đối tượng chính sách (bao gồm: nhà theo QĐ 33, nhà trả chậm ĐBSCL và nhà vượt lũ)							